

THÔNG TIN VỀ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU ĐỀ TÀI ĐÃ CHỦ TRÌ

I. ĐỀ TÀI CẤP BỘ/TỈNH

1. Thực trạng tự học của sinh viên trường ĐHSP-ĐHTN, *Nghiệm thu năm 2002, (PGS.TS. Nguyễn Thị Tính)*

Đề xuất các biện pháp tổ chức giảng dạy phát triển năng lực tự học cho sinh viên trường ĐHSP – ĐHTN, 2002.

2. Thực trạng thực hiện công tác giáo dục hướng nghiệp ở trường THPT khu vực miền núi Đông Bắc - Việt Nam, B2005-03- 68, *Nghiệm thu năm 2006 (PGS.TS. Nguyễn Thị Thanh Huyền).*

Thông qua nghiên cứu lý luận và khảo sát thực trạng trên 500 giáo viên và 1000 học sinh ở 5 tỉnh khu vực miền núi Đông Bắc Việt Nam, đề tài đã đánh giá thực trạng việc thực hiện công tác hướng nghiệp trong trường THPT, đánh giá những ưu điểm, tồn tại hạn chế và chỉ ra các nguyên nhân ảnh hưởng đến thực trạng. Trên cơ sở lý luận và thực trạng đã đề xuất được 05 biện pháp nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục hướng nghiệp trong các trường trung học phổ thông.

3. Một số đặc điểm giao tiếp của học sinh trường Phổ thông dân tộc nội trú khu vực Đông Bắc Việt Nam, B2005- 03 – 69, *Nghiệm thu năm 2007 (PGS.TS. Phùng Thị Hằng).*

Đề tài đã xây dựng cơ sở lý luận về đặc điểm giao tiếp của học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú; Xây dựng bộ công cụ để nghiên cứu, phát hiện đặc điểm giao tiếp của học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú; Đánh giá thực trạng một số đặc điểm giao tiếp của học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú khu vực Đông Bắc Việt Nam; Đề xuất các khuyến nghị đối với các cấp quản lý giáo dục và giáo viên về vấn đề giáo dục học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú trên cơ sở hiểu rõ đặc điểm giao tiếp của các em.

4. Các biện pháp tổ chức trò chơi học tập để nâng cao năng lực ghi nhớ cho trẻ mẫu giáo lớn ở các trường mầm non khu vực miền núi phía bắc, *Nghiệm thu năm 2007 (PGS.TS. Nguyễn Thị Tính).*

Đề xuất các biện pháp tổ chức trò chơi phát triển năng lực ghi nhớ cho trẻ mẫu giáo lớn ở các trường mầm non khu vực miền núi phía bắc là tài liệu tham khảo bồi dưỡng giáo viên.

5. Giải pháp khắc phục khó khăn của học sinh là người dân tộc thiểu số trong việc tiếp cận chương trình giáo dục phổ thông, B2009 - TN04 – 14, *Nghiệm thu năm 2010 (PGS.TS. Phùng Thị Hằng).*

Đề tài đã xây dựng cơ sở lý luận về khó khăn tâm lý của học sinh người DTTS trong việc tiếp cận chương trình giáo dục phổ thông; Xây dựng bộ công cụ để nghiên cứu, phát hiện khó khăn tâm lý của học sinh người DTTS trong việc tiếp cận chương trình giáo dục phổ

thông; Đánh giá thực trạng một số khó khăn tâm lý của học sinh người DTTS (khu vực miền núi phía Bắc Việt Nam) trong việc tiếp cận chương trình giáo dục phổ thông; Đề xuất các giải pháp khắc phục khó khăn tâm lý của học sinh người DTTS trong việc tiếp cận chương trình giáo dục phổ thông; Đề xuất các khuyến nghị đối với các cấp quản lý giáo dục và giáo viên về vấn đề giáo dục học sinh DTTS trên cơ sở hiểu rõ khó khăn tâm lý của các em trong học tập, giao tiếp ở nhà trường.

6. Giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học thông qua dạy học môn đạo đức, *Nghiệm thu năm 2010 (PGS.TS. Nguyễn Thị Tính).*

Đề xuất các biện pháp giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học thông qua tổ chức dạy học môn Đạo đức là tài liệu giảng dạy và bồi dưỡng giáo viên tiểu học.

7. Nghiên cứu thực trạng sử dụng trò chơi dân gian trong giáo dục học sinh các trường tiểu học khu vực miền núi, *B2008 – TN04 – 17 (PGS.TS. Hà Thị Kim Linh).*

Trên cơ sở tiếp cận nghiên cứu hoạt động và sự phát triển nhân cách học sinh tiểu học, đề tài đã xây dựng được cơ sở lý luận về trò chơi dân gian và sử dụng trò chơi dân gian trong giáo dục học sinh tiểu học. Tổ chức khảo sát được thực trạng sử dụng trò chơi dân gian trong giáo dục học sinh tiểu học các tỉnh khu vực miền núi phía Đông Bắc Việt Nam. Đề xuất được 6 biện pháp khai thác, sử dụng trò chơi dân gian để giáo dục học sinh trong trường tiểu học khu vực miền núi Phía Bắc. Kết quả nghiên cứu của đề tài có ý nghĩa và giá trị to lớn trong tổ chức các hoạt động giáo dục học sinh ở trường tiểu học.

8. Nghiên cứu đặc trưng tâm lý của học sinh dân tộc thiểu số khu vực Đông Bắc Việt Nam, *B2010 - TN03 - 32TD, Nghiệm thu năm 2011 (PGS.TS. Phùng Thị Hằng).*

Đề tài xây dựng cơ sở lý luận về đặc trưng tâm lý của học sinh DTTS. Xây dựng bộ công cụ để nghiên cứu, phát hiện đặc trưng tâm lý của học sinh DTTS. Đánh giá thực trạng một số đặc trưng tâm lý của học sinh DTTS khu vực Đông Bắc Việt Nam. Đề xuất các giải pháp giáo dục học sinh DTTS. Đề xuất các khuyến nghị đối với các cấp quản lý giáo dục và giáo viên về vấn đề giáo dục học sinh DTTS.

9. Nghiên cứu khả năng thích ứng với hoạt động học tập của các nhóm sinh viên người dân tộc thiểu số trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên, *B2010 – TN03 – 19, Nghiệm thu năm 2011 (TS. Phạm Văn Cường).*

Đề tài đã nghiên cứu những vấn đề lý luận có liên quan đến đề tài như: khả năng, thích ứng, khả năng thích ứng, hoạt động học tập..v.v. Khảo sát và đánh giá thực trạng khả năng thích ứng với hoạt động học tập của sinh viên DTTS năm thứ nhất đang học tại trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên. Phát hiện ra những yếu tố chủ quan và khách quan ảnh

hưởng đến thực trạng và đề xuất các biện pháp để nâng cao khả năng thích ứng cho các nhóm sinh viên người DTTS.

10. Mô hình hợp tác giữa gia đình và nhà trường trong giáo dục đạo đức cho học sinh trung học cơ sở, khu vực miền núi phía Bắc, B2009-TN04-17, *nghiệm thu năm 2011 (ThS. Hoàng Trung Thắng).*

Xây dựng được cơ sở lý luận hợp tác (liên kết) giữa gia đình và nhà trường trong giáo dục đạo đức cho học sinh trung học cơ sở; Khảo sát được thực trạng phối hợp giữa gia đình và nhà trường trong công tác giáo dục đạo đức cho học sinh ở một số trường trung học cơ sở khu vực miền núi phía Bắc; Xây dựng được mô hình hợp tác giữa gia đình và nhà trường trong giáo dục đạo đức cho học sinh trung học cơ sở, khu vực miền núi phía Bắc.

11. Hình thành kỹ năng sư phạm theo chuẩn nghề nghiệp cho sinh viên dân tộc thiểu số, B2011- TN01- 04, *Nghiệm thu năm 2012 (PGS.TS. Nguyễn Thị Thanh Huyền).*

Từ kết quả nghiên cứu lý luận và thực trạng quá trình hình thành KNSP theo Chuẩn nghề nghiệp cho sinh viên dân tộc thiểu số các trường cao đẳng, ĐH khu vực miền núi Đông bắc, đề tài thiết kế, đề xuất quy trình hình thành KNSP cho sinh viên thông qua hoạt động rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên.

Các quy trình đề xuất xuyên suốt cả 4 năm học bao gồm 6 học kỳ, từ học kỳ II đến học kỳ VII. Những quy trình đề xuất đều xác định rõ mục đích, yêu cầu, nội dung, hình thức, những việc làm cụ thể của sinh viên để hình thành được kỹ năng, yêu cầu về sản phẩm sinh viên phải đạt được, cách thức kiểm tra, đánh giá kết quả của sinh viên.

12. Xây dựng tiêu chí trường tiểu học thân thiện ở khu vực miền núi phía Bắc Việt Nam, *Nghiệm thu năm 2012 (PGS.TS. Nguyễn Thị Tính).*

Đề xuất khung tiêu chí đánh giá trường tiểu học thân thiện.

13. Biện pháp lãnh đạo và quản lý sự thay đổi ở các trường THPT khu vực miền núi phía bắc Việt Nam”, B2010-TN03-09, *Nghiệm thu năm 2012 (ThS. Đầu Thị Thu).*

Đề tài đã nghiên cứu phát hiện thực trạng lãnh đạo và quản lý sự thay đổi ở các trường THPT khu vực miền núi phía bắc Việt Nam, trên cơ sở đề xuất hệ thống biện pháp lãnh đạo và quản lý sự thay đổi ở các trường THPT khu vực miền núi phía bắc Việt Nam, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

Đề tài nghiên cứu, đánh giá thực trạng nhận thức của sinh viên khoa Tâm lý – Giáo dục trường ĐHSP – ĐHTN về những phẩm chất và năng lực cần thiết của người giáo viên, trên cơ sở đó đề xuất được một số biện pháp nâng cao nhận thức của sinh viên về những phẩm chất và năng lực cần thiết của người giáo viên, từ đó có biện pháp hoàn thiện bản thân đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp.

14. Sử dụng ca dao, đồng dao trong giáo dục ngôn ngữ cho trẻ mẫu giáo vùng dân tộc thiểu số tỉnh Thái Nguyên, KX – 07/II – 2012, *Nghiệm thu năm 2014 (PGS.TS. Nguyễn Thị Thanh Huyền).*

Trên cơ sở nghiên cứu lý luận và thực trạng giáo dục ngôn ngữ và sử dụng ca dao, đồng dao trong GDNN cho trẻ MGL vùng dân tộc thiểu số tỉnh Thái Nguyên, đề tài đã xây dựng được hệ thống 5 biện pháp sử dụng ca dao, đồng dao nhằm GDNN cho trẻ MGL vùng dân tộc thiểu số tỉnh Thái Nguyên. Đã tiến hành khảo nghiệm mức độ cần thiết và tính khả thi của các biện pháp đề xuất trên 17 CBQL, 30 GVMN, 13 chuyên gia giáo dục, và tiến hành thực nghiệm 2 biện pháp. Kết quả thực nghiệm bước đầu khẳng định tính hiệu quả của hệ thống các biện pháp đề tài xây dựng. Kết quả nghiên cứu góp phần khẳng định cơ sở thực tiễn của việc áp dụng hệ thống biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả GDNN cho trẻ MGL.

15. Biện pháp giáo dục kỹ năng sống cho học sinh THPT khu vực miền núi phía Bắc trong bối cảnh hiện nay, *Nghiệm thu năm 2014 (PGS.TS. Nguyễn Thị Tính).*

Đề xuất hệ thống các biện pháp giáo dục kỹ năng sống cho học sinh THPT khu vực miền núi phía Bắc trong bối cảnh hiện nay là tài liệu tham khảo bồi dưỡng giáo viên.

16. Phát triển nghề nghiệp liên tục cho giảng viên Đại học sư phạm, B2013-TN04-01, *Nghiệm thu năm 2016 (TS. Lê Thị Phương Hoa).*

Đề tài đã khảo sát, đánh giá thực trạng công tác phát triển nghề nghiệp liên tục cho giảng viên ĐHSPT, từ đó đề xuất mô hình và biện pháp phát triển nghề nghiệp liên tục cho giảng viên ĐHSPT đáp ứng yêu cầu đào tạo đại học trong thời kỳ hội nhập; Cung cấp cơ sở khoa học và thực tiễn cho việc triển khai các biện pháp phát triển nghề nghiệp liên tục cho giảng viên các trường ĐHSPT. Kết quả nghiên cứu có thể ứng dụng trong quá trình đào tạo sinh viên sư phạm, bồi dưỡng giảng viên các trường sư phạm, viện nghiên cứu sư phạm.

17. Bảo tồn tiếng dân tộc cho học sinh phổ thông dân tộc thiểu số các tỉnh miền núi Phía Bắc, B2013- TN04 – 02, *Nghiệm thu năm 2016 (TS. Hà Thị Kim Linh).*

Trên cơ sở tiếp cận nghiên cứu vấn đề bảo tồn tiếng DTTS cho học sinh THCS trên cơ sở tiếp cận Giáo dục học, Văn hóa học kết quả nghiên cứu đề tài đạt được:

Hệ thống được những nghiên cứu lý luận về bảo tồn tiếng DTTS cho học sinh người DTTS ở các trường THCS các tỉnh miền núi.

Tổ chức khảo sát thực trạng vấn đề bảo tồn tiếng dân tộc thiểu số trong các trường THCS các tỉnh miền núi Đông Bắc: Thái Nguyên, Cao Bằng, Lạng Sơn, Tuyên Quang, Hà Giang, Quảng Ninh.

Đề xuất được 5 biện pháp bảo tồn tiếng dân tộc cho học sinh người DTTS khu vực miền núi Phía Bắc.

18. Đánh giá nhu cầu và xác lập Danh mục kỹ năng sống cần trang bị cho học sinh Trung học phổ thông theo các nhóm đối tượng đặc thù, B2014-TN03-05, Nghiệm thu năm 2016 (PGS.TS. Phí Thị Hiếu).

Đây là đề tài nghiên cứu thuộc lĩnh vực giáo dục, có kết quả nghiên cứu cả về lý thuyết lẫn thực tiễn. Đặc biệt, đề tài đề xuất được danh mục kỹ năng sống cần trang bị cho học sinh trung học phổ thông theo các nhóm đối tượng đặc thù trên cơ sở đánh giá mức độ hình thành và nhu cầu giáo dục kỹ năng sống của các em. Kết quả nghiên cứu có thể ứng dụng trong quá trình giáo dục kỹ năng sống cho học sinh ở các trường trung học phổ thông.

19. Phát triển kỹ năng dạy học tích hợp các môn xã hội cho giáo viên trung học cơ sở khu vực miền núi phía Bắc Việt Nam, B2014 – TN03 – 11, Nghiệm thu năm 2016 (TS. Lê Thuý Linh).

Trên cơ sở nghiên cứu lý luận và thực tiễn về dạy học tích hợp, đề tài đã xây dựng được cơ sở lý luận về phát triển kỹ năng dạy học tích hợp các môn xã hội cho giáo viên trung học cơ sở khu vực miền núi phía Bắc Việt Nam. Xây dựng được bộ công cụ đánh giá kỹ năng dạy học tích hợp của giáo viên trung học cơ sở. Qua đó, đề xuất các biện pháp phát triển kỹ năng dạy học tích hợp các môn xã hội cho giáo viên THCS khu vực miền núi phía Bắc Việt Nam.

20. Đặc điểm tâm lý của học sinh Trung học cơ sở có học lực khá trở lên người dân tộc thiểu số khu vực miền núi phía Bắc Việt Nam, B2014 - TN03 – 06, Nghiệm thu năm 2017 (PGS.TS. Phùng Thị Hằng).

Đề tài xây dựng cơ sở lý luận về đặc điểm tâm lý của học sinh THCS có học lực khá, giỏi người DTTS. Xây dựng bộ công cụ để nghiên cứu, phát hiện đặc điểm tâm lý của học sinh THCS có học lực khá, giỏi người DTTS. Đánh giá thực trạng một số đặc điểm tâm lý của học sinh THCS có học lực khá, giỏi người DTTS khu vực miền núi phía Bắc Việt Nam. Đề xuất các biện pháp bồi dưỡng, giáo dục học sinh THCS có học lực khá, giỏi người DTTS. Đề xuất các khuyến nghị đối với các cấp quản lý giáo dục và giáo viên về vấn đề bồi dưỡng, giáo dục học sinh THCS có học lực khá, giỏi người DTTS.

21. Dự báo nhu cầu giáo viên THPT, giáo viên mầm non trình độ đại học các tỉnh khu vực Trung du miền núi phía Bắc, B2014 - TN012 – 04, Nghiệm thu năm 2018, (PGS.TS. Nguyễn Thị Thanh Huyền).

Trên cơ sở lý thuyết của khoa học dự báo, và dựa trên các quan điểm giáo dục của Đảng, chiến lược phát triển GD của ngành và các mục tiêu cụ thể mà Tỉnh ủy, UBND tỉnh, phòng Giáo dục đào tạo các huyện, thành phố của các tỉnh KVTĐMNPB, tác giả đã tiến hành nghiên cứu và dự báo nhu cầu giáo viên THPT và GVMN có trình độ đại học các tỉnh giai đoạn 2016 - 2020. Việc dự báo nhu cầu giáo viên THPT và GVMN trình độ đại học các tỉnh

được dựa trên cơ sở phân tích, tổng hợp các dữ liệu về dân số độ tuổi học sinh THPT và trẻ mầm non, số trẻ mầm non trong độ tuổi đến trường, thông qua đánh giá thực trạng giáo dục THPT, giáo dục mầm non, thực trạng đội ngũ GV THPT, GVMN, GVMN có trình độ đại học một cách tương đối toàn diện. Từ kết quả dự báo số lượng học sinh THPT, số trẻ mầm non chúng tôi xác định nhu cầu đội ngũ GV THPT và GVMN, nhu cầu đội ngũ GVMN có trình độ ĐH các tỉnh KV TDMNPB giai đoạn 2016- 2020 bằng việc dựa vào định mức theo quy định của Bộ giáo dục và đào tạo về định mức biên chế trong các cơ sở giáo dục công lập và theo Điều lệ trường Mầm non.

22. Phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh trung học cơ sở người dân tộc thiểu số khu vực miền núi phía Bắc Việt Nam thông qua hoạt động trải nghiệm sáng tạo, B2016-TNA-16, *Nghiệm thu năm 2018 (TS. Nguyễn Thị Ngọc).*

Đề tài xây dựng được cơ sở lý luận về phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh THCS người Tày, Nùng thông qua hoạt động trải nghiệm cũng như đánh giá thực trạng phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh THCS người Tày, Nùng tại một số tỉnh miền núi phía Bắc thông qua hoạt động trải nghiệm. Qua đó, đề xuất được các quy trình và thiết kế được các nhóm hoạt động trải nghiệm nhằm phát triển kỹ năng giao tiếp của học sinh THCS người Tày, Nùng.

23. Các giải pháp giáo dục nhằm giảm hành vi bạo lực học đường cho học sinh Trung học cơ sở, B2017-TNA-45, *Nghiệm thu năm 2019 (PGS.TS. Phí Thị Hiếu).*

Kết quả nghiên cứu của đề tài cung cấp cơ sở lý luận và thực tiễn giúp cho các nghiên cứu bạo lực học đường dưới góc độ xã hội học, đạo đức học...được sâu sắc hơn; là căn cứ để các tổ chức đoàn thể xã hội đề xuất các tác động giáo dục thanh thiếu niên có hiệu quả; Các giải pháp giáo dục do đề tài đề xuất góp phần thay đổi nhận thức và hành vi của học sinh theo chiều hướng tốt hơn nhằm phòng ngừa và giảm thiểu tình trạng bạo lực học đường; Kết quả nghiên cứu và các bài báo công bố trên các tạp chí khoa học có thể ứng dụng trong quá trình thực hiện hoạt động phòng chống bạo lực học đường ở các trường Trung học cơ sở, sử dụng làm tài liệu phục vụ đào tạo và nghiên cứu cho sinh viên, học viên cao học, cán bộ của Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên và những người quan tâm đến lĩnh vực này.

II. NHIỆM VỤ ETEP

1. Xây dựng Chuẩn nghề nghiệp giảng viên sư phạm, nhiệm vụ ETEP năm 2016, *Nghiệm thu năm 2017 (PGS.TS. Nguyễn Thị Tính).*

Đề xuất 5 tiêu chuẩn 18 tiêu chí năng lực giảng viên sư phạm, giúp nhà trường xây dựng đề án vị trí việc làm và KPI đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của giảng viên, là tài liệu tham khảo cho các trường ĐHSP.

2. Bồi dưỡng năng lực phát triển chương trình đào tạo cho giảng viên các trường đại học sư phạm, *Nghiệm thu năm 2017 (PGS.TS. Nguyễn Thị Tính).*

Đề xuất các biện pháp nâng cao năng lực phát triển chương trình đào tạo cho giảng viên các trường đại học sư phạm.

3. Nghiên cứu xây dựng bộ công cụ khảo sát năng lực và nhu cầu bồi dưỡng GVSP và GVQLGD (2017), *Nghiệm thu năm 2018 (TS. Hà Thị Kim Linh).*

Trên cơ sở nghiên cứu lý luận về khung năng lực giảng viên, đặc điểm lao động của giảng viên sư phạm, đề tài xây dựng bộ công cụ khảo sát năng lực và nhu cầu bồi dưỡng GVSP và GVQLGD. Kết quả nghiên cứu được chuyển giao trong thực hiện triển khai các nhiệm vụ khảo sát thực trạng năng lực giảng viên sư phạm của 8 cơ sở đào tạo giáo viên thuộc chương trình ETEP.

4. Xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình nâng cao năng lực trường ĐHSP – ĐHTN theo dự án ETEP 2017 – 2022, *Nghiệm thu năm 2019 (PGS.TS. Nguyễn Thị Tính).*

Đề xuất các nhiệm vụ nâng cao năng lực cho trường ĐHSP – ĐHTN.

5. Chủ trì xây dựng KPI đánh giá cán bộ, viên chức theo vị trí việc làm ở trường Đại học Sư phạm, Nhiệm vụ ETEP, *Nghiệm thu năm 2019 (PGS.TS. Nguyễn Thị Tính).*

Đề xuất 23 bộ công cụ đánh giá cán bộ, viên chức theo vị trí việc làm ở trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên.

III. ĐỀ TÀI CẤP ĐẠI HỌC/CƠ SỞ

1. Tìm hiểu nhận thức của sinh viên khoa Tâm lý - Giáo dục trường ĐHSP - ĐHTN về những phẩm chất và năng lực cần thiết của người giáo viên. Đề tài khoa học cấp trường, *nghiệm thu năm 2004 (ThS. Đầu Thị Thu).*

Đề tài nghiên cứu, đánh giá thực trạng nhận thức của sinh viên khoa Tâm lý - Giáo dục trường ĐHSP - ĐHTN về những phẩm chất và năng lực cần thiết của người giáo viên, trên cơ sở đó đề xuất được một số biện pháp nâng cao nhận thức của sinh viên về phẩm chất và năng lực cần thiết của người giáo viên, từ đó có biện pháp hoàn thiện bản thân đáp ứng yêu cầu của nghề.

2. Ứng dụng CNTT trong giảng dạy học phần Giáo dục học cho sinh viên Trường đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên, *Nghiệm thu năm 2006 (ThS. Hoàng Trung Thắng).*

Xây dựng được lý luận ứng dụng CNTT trong giảng dạy học phần Giáo dục học; khảo sát thực trạng giảng dạy và học tập học phần Giáo dục học cho sinh viên Trường đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên; xây dựng được giáo án điện tử (ứng dụng phần mềm Violet) trong giảng dạy học phần Giáo dục học cho sinh viên ĐHSP – ĐHTN.

3. Tìm hiểu nhận thức của sinh viên khoa Tâm lý - Giáo dục trường ĐHSP - ĐHTN về nghề dạy học. Đề tài khoa học cấp trường, *Nghiệm thu năm 2007 (ThS. Đầu Thị Thu).*

Đề tài nghiên cứu, đánh giá thực trạng nhận thức của sinh viên khoa Tâm lý - Giáo dục trường ĐHSP - ĐHTN về nghề dạy học, trên cơ sở đó đề xuất được một số biện pháp nâng cao nhận thức của sinh viên về nghề dạy học, từ đó có biện pháp hoàn thiện bản thân đáp ứng yêu cầu của nghề.

**4. Ứng dụng tục ngữ, ca dao vào giảng dạy phần “Các phẩm chất tâm lý của nhân cách”,
*Nghiệm thu năm 2010 (ThS. Đầu Thị Thu).***

Trên cơ sở nghiên cứu cơ sở lý luận về ứng dụng tục ngữ, ca dao trong giảng dạy Tâm lý học, đề tài đã xác định nội dung, cách thức ứng dụng tục ngữ, ca dao vào giảng dạy phần “Các phẩm chất tâm lý của nhân cách”, góp phần nâng cao chất lượng dạy học Tâm lý học trong các trường sư phạm.

5. Xây dựng giáo án điện tử môn Tâm lý học du lịch, *Nghiệm thu năm 2010 (TS. Lê Thị Phương Hoa).*

Kết quả nghiên cứu của đề tài giúp giảng viên Ứng dụng CNTT vào quá trình giảng dạy môn Tâm lý học du lịch cho sinh viên khoa Tâm lý – Giáo dục, đồng thời làm tài liệu học tập cho sinh viên khoa Tâm lý- Giáo dục.

**6. Quy trình hình thành kỹ năng thực hành sư phạm theo tiếp cận năng lực thực hiện,
*Nghiệm thu năm 2012 (ThS. Nguyễn Ngọc Hiếu).***

Đề tài đã xây dựng hệ thống cơ sở lý luận về tổ chức thực hành sư phạm theo tiếp cận năng lực thực hiện; Xây dựng quy trình tổ chức thực hành sư phạm theo tiếp cận năng lực thực hiện.

7. Đánh giá năng lực sư phạm của sinh viên trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên theo chuẩn đầu ra, ĐH2012-TN04-06, *Nghiệm thu năm 2013 (TS. Lê Thuý Linh).*

Nghiên cứu cơ sở lý luận của vấn đề đánh giá năng lực sư phạm của sinh viên Đại học Sư phạm theo chuẩn đầu ra và khảo sát thực trạng đánh giá năng lực sư phạm của sinh viên Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên theo chuẩn đầu ra. Giúp cho giảng viên và cán bộ quản lý có cơ sở lý luận và thực tiễn để tổ chức đánh giá năng lực sư phạm của sinh viên theo chuẩn đầu ra mà nhà trường đã công bố, qua đó góp phần nâng cao chất lượng đào tạo giáo viên của trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên nói riêng và Đại học Sư phạm trong cả nước nói chung.

8. Ảnh hưởng của phong tục, tập quán đến các hoạt động giáo dục quyền và bổn phận cho trẻ em Tày - Nùng tỉnh Thái Nguyên, ĐH2012 - TN04 – 03, *Nghiệm thu năm 2013 (TS. Nguyễn Thị Ngọc).*

Đề tài đã hệ thống được những vấn đề lý luận và thực trạng giáo dục quyền và bổn phận cho trẻ em người Tày - Nùng trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên. Đề tài đã đề xuất được quy trình có khả

năng áp dụng trong thực tiễn dạy học và giáo dục học sinh của giáo viên các trường tiểu học trong khu vực và của phụ huynh học sinh.

Đề tài đưa ra kiến nghị xác đáng với chính quyền địa phương, các cơ quan quản lý văn hóa và đối với nhân dân địa phương trong việc phối hợp để phát huy hiệu quả giáo dục nhằm tăng cường khả năng hòa nhập cho nhóm trẻ em người dân tộc thiểu số.

9. Biện pháp phát triển kỹ năng dạy học cho sinh viên khoa TL - GD Trường ĐHSP - ĐHTN thông qua môn “Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm”, *Nghiệm thu năm 2015 (ThS. Đào Thị Thu).*

Trên cơ sở nghiên cứu cơ sở lý luận về phát triển kỹ năng dạy học cho sinh viên sư phạm thông qua môn “Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm”, đề tài đã xây dựng được hệ thống các biện pháp phát triển kỹ năng dạy học cho sinh viên khoa TL-GD, Trường ĐHSP- ĐHTN thông qua môn “Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm”, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo giáo viên.

10. Biện pháp rèn luyện nghiệp vụ sư phạm cho sinh viên Trường ĐHSP–ĐHTN thông qua hoạt động trải nghiệm thực tế nghề nghiệp, *Nghiệm thu năm 2017 (ThS. Đào Thị Thu).*

Trên cơ sở nghiên cứu cơ sở lý luận về rèn luyện nghiệp vụ sư phạm cho sinh viên Trường ĐHSP thông qua hoạt động trải nghiệm thực tế nghề nghiệp, đề tài đã xây dựng được hệ thống các biện pháp rèn luyện nghiệp vụ sư phạm cho sinh viên Trường ĐHSP – ĐHTN thông qua hoạt động trải nghiệm thực tế nghề nghiệp, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo giáo viên.

11. Chủ nhiệm nhiệm vụ FCP: Xây dựng khung năng lực trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên, *Nghiệm thu năm 2019 (PGS.TS. Nguyễn Thị Tính).*

Đề xuất khung năng lực trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên làm cơ sở để quản trị nhân lực nhà trường.